

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/DS-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v “*Tranh chấp*”

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 622/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1390/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm: 1957

Địa chỉ: 9/22, đường số 40, phường Linh D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Viết N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 26, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2023).

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Thành D, sinh năm: 1952

2/ Bà Trương N, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 52/D, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D và bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Viết N trình bày:

Do bà D với vợ chồng ông D và bà N là chỗ quen biết thân tình từ lâu nên khi ông D và bà N hỏi vay tiền để lo việc gia đình thì bà D đã đồng ý cho vay. Theo đó, vào ngày 29/9/2019, bà D đã cho vợ chồng ông D bà Như vay số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay tới ngày 29/3/2020, lãi suất thỏa thuận là 1,67%/tháng. Ông D và bà N có viết giấy vay tiền và ký xác nhận đầy đủ. Tuy nhiên, đến hạn ông D và bà Như không trả tiền và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do ông D và bà N đã vi phạm các thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà N phải trả cho bà D tổng số tiền là 1.623.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng), trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}$ (tương đương $9\%/\text{năm}$) $\times 47$ tháng = 423.000.000 đồng (bà D chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 29/9/2019 đến ngày 29/8/2023 tính tròn là 47 tháng, bà D không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất từ ngày 29/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm). Ngoài ra, bà D không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho ông Nguyễn Thành D và bà Trương N đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D và bà Như vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thành D và bà Trương N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông D và bà Như phải trả cho bà D tổng số tiền là 1.623.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng), trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}$ (tương đương $9\%/\text{năm}$) $\times 47$ tháng = 423.000.000 đồng (bà D chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 29/9/2019 đến ngày 29/8/2023 tính tròn là 47 tháng, do bà D không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất từ ngày 29/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên

không xem xét, giải quyết). Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Viết N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 23/6/2023 tại Công an phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị đơn là ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1952 và bà Trương N đã bán nhà đi khỏi địa phương, không còn sinh sống tại địa chỉ 52/D, khu phố C, phường H, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai nữa, hiện ông D và bà Như đang làm gì, ở đâu địa phương chưa rõ. Do đó, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông D và bà Như về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông D và bà Như vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trịnh Thị D khởi kiện ông Nguyễn Thành D và bà Trương N có địa chỉ tại: 52/D, khu phố C, phường H, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai để tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Trịnh Thị D căn cứ vào chứng cứ là “Giấy vay tiền ngày 29/9/2019” thể hiện nội dung bà D đã cho vợ chồng ông D và bà Như vay số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay tới ngày 29/3/2020, lãi suất thỏa thuận là 1,67%/tháng. Quá trình làm việc, Tòa án đã thông báo hợp lệ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho ông D và bà Như về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông D và bà Như vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Do đó, việc bà D khởi kiện buộc ông D và bà Như phải trả cho bà D số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}$ (tương đương $9\%/\text{năm}$) $\times 47 \text{ tháng} = 423.000.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 1.623.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận (bà D chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 29/9/2019 đến ngày 29/8/2023 tính tròn là 47 tháng). Bà D không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi suất từ ngày 29/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên không xem xét, giải

quyết (Căn cứ vào quy định tại Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, ông Nguyễn Thành D và bà Trương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.690.000 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Bà Trịnh Thị D có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí vì là người cao tuổi (theo Điều 2 Luật người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không phải hoàn trả tạm ứng án phí theo quy định.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 429, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 96, Điều 147, Điều 180, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị D.

Buộc ông Nguyễn Thành D và bà Trương N phải trả cho bà Trịnh Thị D số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là: 1.200.000.000đồng x 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm) x 47 tháng = 423.000.000đồng, tổng cộng là 1.623.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Thành D và bà Trương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.690.000 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Phương